TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-02-2024
Về việc ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc *"Ly hôn và nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Út E, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1998; địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(*Chị Út E1 có đơn xin vắng mặt. Anh K vắng mặt lần 02 không lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Anh chị cưới nhau năm 2016, đến năm 2019 đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, có được 02 người con là Nguyễn Thanh D, sinh ngày 31/7/2017 và Nguyễn Bình A, sinh ngày 08/5/2020. Đến năm 2020

anh K có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, bỏ bê vợ con. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, anh K bỏ mặc chị Út E1 một mình nuôi các con. Nay chị Út E1 yêu cầu ly hôn với anh K và yêu cầu được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu cấp dưỡng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn K vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.*

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình và có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Út E1 và giao 02 người con cho chị Út E1 tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Út E1 yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Út E1 yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn và nuôi con"*.

Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hai lần để xét xử nhưng đều vắng mặt không lý do; đồng thời nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Năm 2019 anh K và chị Út E1 đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Xét thấy, anh chị mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi. Anh chị là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ lẫn nhau là vi phạm Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc cho chị Trần Thị Út E được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

[3] Anh chị có hai người con chung là Nguyễn Thanh D, sinh ngày 31/7/2017 và Nguyễn Bình A, sinh ngày 08/5/2020, hiện tại chị Út E1 đang nuôi dưỡng và yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Xét thấy, từ trước đến nay chị Út E1 trực tiếp nuôi các con. Tòa án không làm việc được với anh K và không nhận được văn bản thể hiện ý kiến của anh K về quyền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Út E1, giao 02 người con cho chị Út E1 tiếp tục nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của chị Út E1 nhưng chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Út E1 trình bày không tài sản và nợ chung, không yêu cầu vấn đề gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Út E1 là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Út E đối với anh Nguyễn Văn K. Cho chị Út E1 được ly hôn với anh K.

2- Về con chung: Giao Nguyễn Thanh D, sinh ngày 31/7/2017 và Nguyễn Bình A, sinh ngày 08/5/2020 cho chị Út E1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trường hợp chị Út E1 vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3- Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Út E chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã

nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003390 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4- Các đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã An Minh Bắc, huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận